

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 29/2024/DS-ST

Ngày: 27/02/2024

“V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Khổng Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Thị Tú Nga

- Ông Phạm Ngọc Đông

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trịnh Trần Thị Thoa - là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thanh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 321/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2023 về việc: “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXX - ST ngày 31 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Thu N, sinh năm: 1978; Địa chỉ: 3 N, phường C, Q. G, TP .

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Chị Phan Thị Kiều T, sinh năm: 2000; Địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (Theo văn bản ủy quyền ngày 28/11/2023)

- *Bị đơn:* Anh Hồ Nguyên B, sinh năm: 1978; Địa chỉ: Tổ B, KP C, P. H, Tp ., tỉnh Bình Định; Hiện nay ở tại: A T, Tp ., tỉnh Bình Định.

(Chị T và anh B có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/11/2023, quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị **Phan Thị Kiều T** trình bày:

Chị **Huỳnh Thị Thu N** và anh **Hồ Nguyên B** là chỗ quen biết lâu năm. Trước đây anh **B** thường xuyên vay mượn tiền của chị **N** nhiều lần, những lần vay mượn trước, anh **B** đều trả đúng thời hạn như đã thỏa thuận nhằm tạo niềm tin cho chị **N**. Vào khoảng tháng 7/2020, anh **B** có vay chị **N** số tiền 1.000.000.000 đồng; lãi suất tiền vay là 20%, tương đương 200.000.000 đồng cho 12 tháng của Hợp đồng; Thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày 15/07/2020 đến ngày 15/07/2021. Theo thỏa thuận của hai bên, việc thanh toán chia làm 02 lần, cụ thể như sau: Lần 1: Số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 09/06/2021; Lần 2: Số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 15/07/2021. Ngoài ra, tại Điều 3 của hợp đồng, hai bên còn thỏa thuận, nếu quá thời hạn vay nêu trên mà anh **B** không thanh toán số tiền gốc và tiền lãi thì anh **B** phải chịu lãi suất quá hạn bằng 100% lãi suất vay tương ứng với thời gian chậm trả. Khi vay hai bên có lập “Hợp đồng vay tiền” đề ngày 15/7/2020. Tuy nhiên, từ ngày vay đến nay, anh **B** chỉ trả cho chị **N** tiền lãi của tháng đầu tiên là 20.000.000 đồng và không trả tiền gốc. Do đến hạn trả nợ nhưng anh **B** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận, mặc dù chị **N** đã nhiều lần yêu cầu anh **B** trả nợ nhưng anh **B** nhiều lần hứa hẹn và không trả.

Nay chị **N** khởi kiện yêu cầu anh **Hồ Nguyên B** phải trả cho chị một lần số tiền gốc 1.000.000.000 đồng và yêu cầu trả các khoản lãi sau: Tiền lãi trong thời hạn vay là 180.000.000 đồng; Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 100% lãi suất vay theo điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng tính từ ngày 16/07/2021 cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm. Hiện nay chị **N** đã ly hôn với anh **Huỳnh Minh T1** theo Bản án số: 920/2021/HNGĐ-ST ngày 22/12/2021 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, **TP .** Sau khi ly hôn, chị **N** và anh **T1** đã tự thỏa thuận về tài sản chung, số tiền này chị **N** xác định là tài sản riêng của cá nhân chị **N**, không liên quan gì đến anh **T1**. Chị **N** cam đoan nếu có tranh chấp về sau liên quan đến khoản vay trên thì chị **N** sẽ chịu trách nhiệm.

Tại bản khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh **Hồ Nguyên B** trình bày:

Ngày 15/7/2020 anh có vay của chị Huỳnh Thị Thu N số tiền 1.000.000.000 đồng; thời hạn vay: Từ ngày 15/7/2020 đến ngày 15/7/2021. Chị N giao tiền cho anh bằng hình thức chuyển khoản, chuyển thành 02 lần, cụ thể: Lần 1 chuyển số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 09/6/2020; Lần 2 chuyển số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 15/7/2020. Phương thức và thời gian trả nợ: Anh trả lãi cho chị N định kỳ vào ngày 01 hàng tháng là 16.670.000 đồng. Hai bên thỏa thuận lãi suất cho toàn bộ số tiền vay là 20% tương ứng 200.000.000 đồng cho 12 tháng Hợp đồng. Nếu quá thời hạn vay nêu trên mà anh không thanh toán số tiền gốc và lãi thì anh phải chịu lãi suất quá hạn bằng 100% lãi suất tương ứng với thời gian chậm trả. Từ khi vay đến nay anh chỉ trả cho chị N tiền lãi của tháng đầu tiên là 20.000.000 đồng và chưa trả tiền gốc.

Nay chị N khởi kiện yêu cầu anh trả cho chị N 1.000.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi trong thời hạn vay là 180.000.000 đồng, tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 100% lãi suất vay theo điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng tính từ ngày 16/07/2021 cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm. Anh có ý kiến như sau: Anh đồng ý trả cho chị N 1.000.000.000 đồng tiền gốc và 180.000.000 đồng tiền lãi trong hạn. Tuy nhiên, công việc làm ăn của anh trong những năm qua gặp nhiều khó khăn nên anh xin trả dần tiền gốc và lãi mỗi tháng 25.000.000 đồng. Thời gian trả vào ngày 20 hàng tháng bắt đầu từ ngày 20/3/2024 cho đến khi trả hết nợ. Riêng khoản tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả thì anh xin không trả cho chị N.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự:

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Thu N, buộc anh Hồ Nguyên B phải trả cho chị N số tiền 1.000.000.000 đồng, tiền lãi

trong hạn chưa thanh toán là 180.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn bằng 100% lãi suất vay tương ứng với thời gian chậm trả. Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị **Huỳnh Thị Thu N**, đây là vụ án có quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong vụ án này, bị đơn có địa chỉ cư trú tại: **A T, TP ., tỉnh Bình Định** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trước khi xét xử, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với chị **Phan Thị Kiều T** và anh **Hồ Nguyên B** nhưng chị **T** và anh **B** có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Các bên đương sự thống nhất ngày 15/7/2020 chị **Huỳnh Thị Thu N** có cho anh **Hồ Nguyên B** vay số tiền 1.000.000.000 đồng; lãi suất là 20%, tương đương 200.000.000 đồng cho 12 tháng; Thời hạn vay là 12 tháng, Ngoài ra, tại Điều 3 của Hợp đồng, hai bên còn thỏa thuận, nếu quá thời hạn vay mà anh **B** không thanh toán số tiền gốc và tiền lãi thì anh **B** phải chịu lãi suất quá hạn bằng 100% lãi suất vay tương ứng với thời gian chậm trả. Khi vay hai bên có lập “Hợp đồng vay tiền”. Trong quá trình vay, anh **B** đã trả cho chị **N** 20.000.000 đồng tiền lãi nhưng chưa trả tiền gốc. Các bên đương sự thống nhất số tiền vay và số tiền lãi anh **B** đã trả cho chị **N** nhưng không thống nhất về phương án trả nợ. Nguyên đơn yêu cầu trả một lần, bị đơn xin trả dần tiền gốc, lãi mỗi tháng 25.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin không trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn.

[2.2] Xét thấy: Hợp đồng vay giữa chị **Huỳnh Thị Thu N** và anh **Hồ Nguyên B** là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi được quy định tại Điều 463, khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự. Từ khi vay đến nay anh **B** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo

yêu cầu của chị **N**, như vậy anh **B** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nay chị **N** yêu cầu anh **B** phải trả 1.000.000.000 đồng tiền gốc là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về lãi suất: Tại giấy mượn tiền ngày 15/7/2020 các bên thỏa thuận lãi suất là 20% cho 12 tháng tương đương 200.000.000 đồng. Trong quá trình vay, anh **B** đã trả cho chị **N** 20.000.000 đồng tiền lãi. Do đó, chị **N** yêu cầu anh **B** trả tiền lãi trong hạn là 180.000.000 đồng, anh **B** đồng ý. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại Điều 3 của Hợp đồng hai bên thỏa thuận, nếu quá thời hạn vay anh **B** không thanh toán số tiền gốc và tiền lãi thì anh **B** phải chịu lãi suất quá hạn bằng 100% lãi suất vay tương ứng với thời gian chậm trả. Xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh **B** thừa nhận hai bên có thỏa thuận về lãi suất quá hạn như tại Điều 3 của Hợp đồng và thỏa thuận trên phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể:

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả (từ ngày 16/7/2021 đến ngày 27/02/2024 là 02 năm 07 tháng 10 ngày):

$1.000.000.000 \text{ đồng} \times 20\% \times 02 \text{ năm } 07 \text{ tháng } 10 \text{ ngày} = 522.222.000 \text{ đồng}$

Tổng cộng tiền lãi anh **B** phải trả cho chị **N** là:

$180.000.000 \text{ đồng} + 522.222.000 \text{ đồng} = 702.222.000 \text{ đồng}$

Từ những nhận định trên, buộc anh **Hồ Nguyên B** phải có nghĩa vụ trả cho chị **Huỳnh Thị Thu N** số tiền là 1.702.222.000 đồng (trong đó tiền gốc là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi là 702.222.000 đồng).

[2.4] Về yêu cầu xin trả dần tiền gốc và lãi 25.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ và xin không trả lãi trên nợ gốc quá hạn của anh **B** không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp nhận và không phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; anh **B** phải chịu 63.067.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị **N** không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 35, 39, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Huỳnh Thị Thu N.**

Buộc anh **Hồ Nguyên B** phải có nghĩa vụ trả cho chị **Huỳnh Thị Thu N** số tiền là 1.702.222.000 đồng (một tỉ bảy trăm lẻ hai triệu hai trăm hai mươi hai ngàn đồng) trong đó tiền gốc là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi là 702.222.000 đồng .

2. Bác yêu cầu xin trả dần tiền gốc và lãi mỗi tháng 25.000.000 đồng và xin không trả lãi trên nợ gốc quá hạn của anh **Hồ Nguyên B.**

3. Về án phí:

3.1. Anh **Hồ Nguyên B** phải chịu 63.067.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Chị **Huỳnh Thị Thu N** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. **H** lại cho chị **Huỳnh Thị Thu N** 24.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000158 ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khổng Lan Hương

